TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-PT
Ngày 14/7/2023
"V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Cẩn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh và bà Lê Thị Bích Ngọc

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2023/TLPT-DS ngày 04/4/2023 về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X; địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Xuân S - Trưởng bộ phận xử lý nợ Ngân hàng Ngân hàng X; Ông Nguyễn Anh T - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng X; ông Nguyễn Tiến Th - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng X; ông Nguyễn Huy H - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng X; đều có địa chỉ: Ngân hàng X AMC, tầng 7 tòa nhà Tài chính Việt Đức số 8, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (ông T, ông Th, ông H đều vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn H - Công ty Luật TNHH MTV TH; địa chỉ: đường N, phường Đ, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm P (Viết tắt là CÔNG TY BẢO HIỂM P). Địa chỉ: Tầng 21-22 Tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Phi L và ông Nguyễn Ngọc T - Cán bộ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm P (ông L có mặt, ông T vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2020, 18/8/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/8/2018, Ngân hàng X cấp tín dụng cho anh Lê Văn V theo hợp đồng tín dụng với số tiền là 350.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 9,8%/năm, trả gốc và lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả gốc lãi đầu tiền vào ngày 10/10/2018; Ngày 29/8/2018, Ngân hàng X cấp thẻ tín dụng cho anh V với hạn mức 7.000.000 đồng, mở thẻ ngày 04/9/2018.

Đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng, ngày 31/8/2018 anh V đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 683, tờ bản đồ số 14, diện tích 333,7m^2, tại thôn V, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/7/2018 đứng tên Lê Văn V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 31/8/2019 Ngân hàng X đã giải ngân cho anh V số tiền vay 350.000.000 đồng, anh V đã thanh toán cho Ngân hàng như sau: Đối với hợp đồng tín dụng đã trả nợ gốc: 2.915.068 đồng (Bảng kê thể hiện đã trả 2.965.130 đồng), trả nợ lãi và phạt chậm trả: 3.776.535 đồng; tổng cộng là: 6.681.603 đồng, sau đó không trả thêm được bất cứ khoản tiền nào khác.

Ngày 31/8/2018, anh V có mua bảo hiểm của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm P (CÔNG TY BẢO HIỂM P) cho hợp đồng tín dụng với số tiền vay nêu trên. Ngân hàng X và CÔNG TY BẢO HIỂM P hợp tác trên cơ sở Hợp đồng đại lý số 03/ĐLBH/MG/2015 ngày 12/6/2015, theo đó Ngân hàng X sẽ thực hiện việc chào bán, giới thiệu các sản phẩm bảo hiểm của CÔNG TY BẢO HIỂM P và thực hiện thu phí bảo hiểm của khách hàng cho CÔNG TY BẢO HIỂM P. Anh V đã mua bảo hiểm cho khoản vay trên, thể hiện tại Giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng cho người vay, ủy nhiệm chi phí bảo hiểm 2.100.000 đồng và thông báo xác nhận bảo hiểm. Sau khi xảy ra sự việc anh V chết ngày

19/9/2018, ngày 04/01/2019 của CÔNG TY BẢO HIỂM P có thông báo với nội dung từ chối bồi thường bảo hiểm đối với trường hợp của anh V. Anh V chưa có vợ, con, cha anh V là ông Lê Văn T1 đã chết năm 2016, bà Nguyễn Thị S là người thừa kế duy nhất của anh V. Ngân hàng X yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ do anh V để lại. Đơn khởi kiện Ngân hàng X yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ do anh V chết để lại tính đến ngày 26/11/2021 tổng số tiền gốc, lãi, phạt chậm trả lãi là 578.099.498 đồng, sau đó thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu trả gốc còn lại và lãi tính đến ngày anh V chết là ngày 19/9/2018; cụ thể, số tiền gốc, lãi là 354.134.323 đồng (trong đó nợ gốc hợp đồng tín dụng 349.134.323 đồng, thẻ tín dụng là 5.000.000 đồng; lãi hợp đồng tín dụng là 1.879.452 đồng, lãi thẻ tín dụng là 220.001 đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị S có đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị A trình bày: Sau khi anh V chết, Ngân hàng X mời bà lên làm việc bà mới biết anh V vay nợ Ngân hàng X, kèm theo hợp đồng vay là Thông báo xác nhận rủi ro của bảo hiểm. Anh V vay 350.000.000 đồng của Ngân hàng X và có mua bảo hiểm tính mạng số tiền vay này. Thông báo xác nhận bảo hiểm ngày 31/8/2018 của Ngân hàng X ban hành đã xác nhận ngày hiệu lực bảo hiểm là ngày giải ngân, nên bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực. Vì vậy, bà đề nghị Ngân hàng X giải quyết quyền lợi bảo hiểm số tiền vay của ông V và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Lê Văn V cho bà. Sau khi Ngân hàng X giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho anh V, thì bà sẽ trả nợ thay anh V. Bà không có yêu cầu gì, mà xác định trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng bảo hiểm anh V đã mua là của Ngân hàng X và CÔNG TY BẢO HIỂM P do hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị pháp lý.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan CÔNG TY BẢO HIỂM P là ông Bùi Phi L trình bày: Thống nhất với Ngân hàng X về bảo hiểm của CÔNG TY BẢO HIỂM P đối với khoản vay của anh V. Căn cứ vào Điều 6.2 Quy tắc bảo hiểm sinh mạng người vay tín chấp của CÔNG TY BẢO HIỂM P: *"Đối với rủi ro ốm đau, bệnh tật, thai sản thì HĐBH chỉ phát sinh hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thỏa thuận"*. Điều 1.3.4.2 Phụ lục 08 Hợp đồng đại lý số 03/ĐLBH/MG/2015 giữa CÔNG TY BẢO HIỂM P và Ngân hàng X cũng quy định rõ: *"Đối với rủi ro do ốm đau, bệnh tật, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm; đối với rủi ro tử vong do bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn, Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực sau 9 tháng kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm"*.

Từ thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm đến thời điểm anh V chết là 20 ngày chưa hết thời gian chờ, chưa đủ thời gian để hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Do vậy, Hợp đồng bảo hiểm giữa CÔNG TY BẢO HIỂM P và anh V

chưa phát sinh hiệu lực bảo hiểm. CÔNG TY BẢO HIỂM P không có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho khách hàng trong trường hợp này. Do đó, công văn từ chối bồi thường của CÔNG TY BẢO HIỂM P gửi cho khách hàng và người thụ hưởng là phù hợp với quy tắc bảo hiểm và quy định của pháp luật.

Sau khi Bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử, có kháng cáo của bà S và kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Tại Bản án số 11/2022/DS-PT ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xác định cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng khi xác định bị đơn của vụ án là cá nhân tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đã chết; vi phạm trong việc thụ lý và giải quyết vụ án do đó đã hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do anh Lê Văn V chết để lại trong phạm vi di sản để lại, đó là trả cho Ngân hàng X tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 19/9/2018 là 354.134.323đ, trong đó nợ gốc là 352.034.870 đ và nợ lãi là 2.099.453đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 03 năm 2023, bà Nguyễn Thị S là bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H là người bảo vệ quyền, lợi ích cho bà S trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận việc CÔNG TY BẢO HIỂM P từ chối bồi thường cho anh V và người thụ hưởng của anh V.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Tòa án phúc thẩm đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S trong hạn luật định, việc thụ lý đơn kháng cáo đúng quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn là Ngân hàng X, khởi kiện yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ tín dụng tại Ngân hàng X do anh Lê Văn V chết để lại, quá trình giải quyết bà S cho rằng trách nhiệm trả tiền thuộc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm P (CÔNG TY BẢO HIỂM P), nhưng bà S không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, Tóa án đã hỏi bà S có yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa anh V với CÔNG TY BẢO HIỂM P không, nhưng bà S, người đại diện theo ủy quyền bà của S không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tín dụng do anh V chết để lại tại Ngân hàng X; để xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc trách nhiệm của bà S hay của CÔNG TY BẢO HIỂM P và Ngân hàng X khởi kiện bà S có đúng không cần xem xét tới giá trị pháp lý của hợp đồng bảo hiểm giữa anh V với CÔNG TY BẢO HIỂM P, không giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S thấy rằng:

[3] Căn cứ Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ ngày 31/8/2018 thì anh Lê Văn V có vay của Ngân hàng X số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 9,8%/năm, thời hạn 120 tháng. Ngân hàng X đã giải ngân cho anh V đủ số tiền nêu trên vào ngày 31/8/2018. Ngày 19/9/2018, anh V chết, thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng mới được 20 ngày, theo quy định tại khoản 3 Điều 422 BLDS 2015 thì hợp đồng tín dụng chấm dứt, các quyền và nghĩa vụ của các bên chấm dứt thực hiện. Theo Bảng tổng hợp dư nợ, Bảng kê tính lãi thì từ ngày 31/8/2018 đến 19/9/2018 anh V còn dư nợ gốc là 347.034.870 đồng (như vậy anh V đã trả được 2.965.130 đồng tiền gốc) và lãi 20 ngày là 1.879.452 đồng. Tổng dư nợ hợp đồng tín dụng anh V chết để lại là 348.914.322 đồng. Ngày 29/8/2018, anh V làm thủ tục mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng X với hạn mức 7.000.000 đồng. Theo Bản sao kê tài khoản thẻ Ngân hàng X Card Statement (BL351) từ ngày 04/9/2018 đến ngày 19/9/2018, anh V còn dư nợ cuối kỳ là 5.220.001 đồng. Như vậy, tổng dự nợ của anh V chết để lại đối với hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng với Ngân hàng X là 354.134.323 đồng.

[4] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 24/5/2023 ông Nguyễn Huy Thông là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X có Đơn đề nghị kèm Bảng kê tính lãi thể hiện: Ngân hàng X đã thu của anh V số tiền 3.776.535 đồng là tiền lãi của hợp đồng tín dụng phát sinh từ ngày 18/10/2018 đến ngày 9/11/2018 sau thời điểm anh V chết, Ngân hàng X đề nghị trừ số tiền nêu trên

vào số tiền gốc, lãi bà S có nghĩa vụ trả thay anh V. Đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, việc thu tiền lãi thời điểm sau khi anh V chết là không đúng pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho bà S cần phải sửa bản án sơ thẩm, trừ số tiền 3.776.535 đồng nêu trên vào tổng dư nợ của anh V chết để lại. Tổng dư nợ còn lại do anh V chết để lại là 354.134.323 đồng - 3.776.535 đồng = 350.357.788 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà S xác định không có ý kiến gì về số nợ gốc, nợ lãi đã xác định nêu trên.

[5] Khi vay vốn Ngân hàng X, anh V tham gia mua bảo hiểm sinh mạng cho người vay tại CÔNG TY BẢO HIỂM P qua đại lý Ngân hàng X. Theo Điều 166 Luật Thương mại 2005 quy định về Đại lý thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên giao đại lý và bên đại lý nhân danh chính mình mua, bán hàng hóa cho bên giao đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của bên giao đại lý cho khách hàng để hưởng thù lao. Theo quy định nêu trên Ngân hàng X chỉ là bên bán, cung ứng dịch vụ bảo hiểm cho CÔNG TY BẢO HIỂM P để hưởng thù lao. Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ ngày 12/6/2015 giữa CÔNG TY BẢO HIỂM P với Ngân hàng X cũng thể hiện bên Ngân hàng X có quyền giới thiệu, chào bán, thu phí, cung ứng dịch vụ bảo hiểm tiền vay của CÔNG TY BẢO HIỂM P cho khách hàng để hưởng thù lao, mọi điều kiện, điều khoản bảo hiểm được thực hiện theo nguyên tắc chung của CÔNG TY BẢO HIỂM P quy định. Ngân hàng X chỉ với vai trò là đại lý thương mại giới thiệu, bán dịch vụ bảo hiểm cho CÔNG TY BẢO HIỂM P, không có tư cách đại diện cho CÔNG TY BẢO HIỂM P bán, ký kết hợp đồng bảo hiểm, không có quyền điều chỉnh các điều khoản quy định về dịch vụ bảo hiểm của CÔNG TY BẢO HIỂM P.

[6] Anh V đã làm các thủ tục ký Giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng cho người vay ngày 30/8/2018; ủy nhiệm chi ngày 31/8/2018 cho Ngân hàng X chi trả 2.100.000 đồng phí bảo hiểm cho CÔNG TY BẢO HIỂM P để bảo hiểm đối với khoản vay 350.000.000đ tại hợp đồng tín dụng ngày 31/8/2018. Ngày 31/8/2018, CÔNG TY BẢO HIỂM P đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số P18/PTH/PHH/6302/100631 bảo hiểm đối với khoản vay nêu trên của anh V; Giấy chứng nhận này ghi rõ điều kiện và điều khoản bảo hiểm được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 174/2011/QĐ-PJCO ngày 08/3/2011 của Tổng giám đốc CÔNG TY BẢO HIỂM P và các điều kiện, điều khoản theo sự thống nhất giữa Ngân hàng X và CÔNG TY BẢO HIỂM P.

[7] Điều 6.2 Quy tắc bảo hiểm sinh mạng người vay tín chấp của CÔNG TY BẢO HIỂM P ban hành kèm theo Quyết định 174 nêu trên quy định về hiệu lực bảo hiểm như sau: *"- Đối với rủi ro do tai nạn Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực ngay sau khi bên mua bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm theo thỏa thuận. - Đối với rủi ro ốm đau, bệnh tật, thai sản thì HĐBH chỉ phát sinh hiệu lực sau 30*

ngày kể từ ngày bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thỏa thuận"..

[8] Anh V nộp tiền phí bảo hiểm ngày 31/8/2018 đến ngày 19/9/2018 anh V chết do bệnh viêm cơ tim là rủi ro ốm đau, bệnh tật không phải rủi do tai nạn nên hiệu lực hợp đồng bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định 174 nêu trên đối với anh V là sau 30 ngày kể từ ngày bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thỏa thuận. Từ thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm ngày 31/8/2018 đến thời điểm anh V chết ngày 19/9/2018 mới được 20 ngày. Như vậy, trường hợp của anh V chưa hết thời gian chờ, chưa đủ thời gian để bảo hiểm có hiệu lực, tức là chưa đủ điều kiện về thời gian để người tham gia bảo hiểm được quyền nhận quyền lợi bảo hiểm, khi phát sinh sự kiện bảo hiểm. Do vậy, CÔNG TY BẢO HIỂM P đã có văn bản gửi cho gia đình anh V và Ngân hàng X về việc từ chối bồi thường bảo hiểm đối với trường hợp của anh V là có căn cứ.

[9] Điều 8 Quy tắc bảo hiểm nêu trên quy định về những thay đổi liên quan đến hợp đồng như sau: *"Trong trường hợp tại hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm sửa đổi bổ sung quy định những điểm khác với Quy tắc bảo hiểm này thì hai bên tuân thủ theo những điều đã ghi trong hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm sửa đổi bổ sung..."* Như vậy, những trường hợp sửa đổi Quy tắc bảo hiểm được ban hành theo Quyết định 174 nêu trên của CÔNG TY BẢO HIỂM P chỉ có giá trị khi được ghi nhận tại hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm sinh mạng cho người vay của CÔNG TY BẢO HIỂM P cấp cho anh V ngày 31/8/2018 ghi điều kiện, điều khoản bảo hiểm là theo Quy tắc bảo hiểm ban hành theo Quyết định 174 của CÔNG TY BẢO HIỂM P và các điều khoản, điều kiện theo sự thống nhất giữa Ngân hàng X và CÔNG TY BẢO HIỂM P, giấy chứng nhận này không có nội dung sửa đổi Quy tắc bảo hiểm. Đối với Thông báo xác nhận bảo hiểm ngày 31/8/2018 của Ngân hàng X cấp cho anh V không phải là Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm có giá trị sửa đổi Quy tắc bảo hiểm của CÔNG TY BẢO HIỂM P. Đồng thời, Thông báo xác nhận bảo hiểm ngày 31/8/2018 của Ngân hàng X cấp cho anh V có ghi "Ngày hiệu lực bảo hiểm: Ngày giải ngân hợp đồng tín dụng" là phù hợp với Điều 6.2 Quy tắc bảo hiểm trong trường hợp rủi ro do tai nạn thì hợp đồng có hiệu lực ngay sau khi bên mua bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm (trùng với ngày giải ngân tiền vay), còn đối với rủi ro do ốm đau, bệnh tật thì hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ. Thông báo xác nhận bảo hiểm ngày 31/8/2018 của Ngân hàng X cũng ghi điều kiện và điều khoản bảo hiểm theo quy tắc bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 174 của CÔNG TY BẢO HIỂM P nêu trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định CÔNG TY BẢO HIỂM P chưa phát sinh nghĩa vụ chi trả bảo hiểm cho khoản vay của anh V tại

Ngân hàng X, bà S là người thừa kế duy nhất của anh V nên có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trả nợ do anh V chết để lại là có căn cứ.

[10] Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên anh V theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/7/2018. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh V với Ngân hàng X ngày 31/8/2018 được ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng thủ tục, quy định của pháp luật. Bà S là người thừa kế duy nhất của anh V nên Ngân hàng X có quyền yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ do anh V để lại trong phạm vi tài sản của anh V là đúng quy định của pháp luật, trong trường hợp bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh V Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ. Kháng cáo của bà S là không có căn cứ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bà S thực hiện trách nhiệm trả nợ Ngân hàng X do anh V chết để lại gồm số tiền gốc chưa trả và lãi phát sinh từ khi vay đến khi anh V chết là đúng pháp luật, nên kháng cáo của bà S không được chấp nhận. Do tại cấp phúc thẩm xuất hiện tình tiết Ngân hàng đã thu của anh V số tiền lãi 3.776.535 đồng cho khoảng thời gian vay sau khi anh V chết, để đảm bảo quyền lợi cho bà S cần sửa bản án sơ thẩm, trừ số tiền lãi này vào số tiền bà S phải thực hiện nghĩa vụ trả và điều chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp.

[11] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 5.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ trong phạm vi tài sản của anh V để lại. Do Ngân hàng X đã nộp 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí thẩm định nên bà S có trách nhiệm trả lại Ngân hàng X 5.000.000 đồng.

[12] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S thuộc đối tượng là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Ngân hàng X không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S. Sửa bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 14/2/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X (Viết tắt là Ngân hàng X). Xác định khoản nợ gốc và lãi của anh Lê Văn V chết để lại tại Ngân hàng X

là 350.357.788 (Ba trăm năm mươi triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm tám mươi tám) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ do anh Lê Văn V chết để lại cho Ngân hàng X số tiền 350.357.788 (Ba trăm năm mươi triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm tám mươi tám) đồng trong phạm vi tài sản của anh V chết để lại.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng chi phí thẩm định tại chỗ trong phạm vi tài sản của anh V chết để lại. Do Ngân hàng X đã nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng tạm ứng chi phí thẩm định nên bà S có trách nhiệm trả lại Ngân hàng X 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bà Nguyễn Thị S không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản tiền do anh Lê Văn V chết để lại nêu trên, Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại thửa đất 683, tờ bản đồ số 14 tại thôn Vân Sau, xã Vân Hội, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 958239, số vào sổ CS 01310 cấp ngày 31/7/2018 đứng tên anh Lê Văn V được thế chấp theo hợp đồng số LN 1808300898668 ngày 31/8/2018 và Thỏa thuận ngày 31/8/2018 giữa Ngân hàng X và anh Lê Văn V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Ngân hàng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 11.098.000 (Mười một triệu, không trăm chín mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lại thu tiền số AA/2020/0001599 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành dan dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huy Cẩn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Thu Hà

Lê Thị Bích Ngọc

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Cẩn